

Bản án số: 05/2023/HSPT
Ngày 05 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH S LA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Phạm Tuấn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 08/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S do có kháng cáo của các bị cáo: Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 131/2022/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn P; Sinh ngày 26/10/1987 tại quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Z, phường ĐM, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ X, phường CL, thành phố S La, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Viên chức; Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Con ông Phạm Văn K và bà Hàn Thị O; Bị cáo có vợ là Phạm P L và 02 con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến 25/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thùy N; Sinh ngày 11/3/1983 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn

La. Nơi cư trú: Tiểu khu W, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Minh Bắc và bà Phạm Thị Th; Bị cáo có chồng là Dương Anh Ng và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến 25/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Cao Trường S; Sinh ngày 28/12/1974 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu Y, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức địa chính xã; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Con ông Cao S L (đã chết) và bà Hồ Thị M; Bị cáo có vợ là Lê Thị H và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến 25/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo Tòa án không triệu tập:

- Ông Lò Văn L1, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Bản CN, xã CN, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Ông Đào Duy A, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Tiểu khu K, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2021, Nguyễn Thị Thùy N nhờ Cao Trường S mang hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Đào Duy A và Nguyễn Văn Qu tại địa chỉ tiểu khu 19, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (do Đào Duy A nhờ N làm thủ tục chuyển nhượng) đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn để hỏi chi phí làm nhanh thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không thực hiện thủ tục hành chính theo trình tự quy định). S đồng ý và mang hồ sơ đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn được Lò Văn L1 - Viên chức của Chi nhánh hướng dẫn lên gặp Phạm Văn P - Quyền giám đốc Chi

nhánh. Tại phòng làm việc của P, S đưa hồ sơ cho P xem và hỏi chi phí để làm nhanh các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, P trả lời muốn làm thủ tục xong nhanh thì hết 10.000.000 đồng và đưa trả lại hồ sơ cho S để bổ sung một số thủ tục còn thiếu. S quay về đưa N bộ hồ sơ và nói nội dung đã trao đổi với P.

Khoảng 18 giờ 22 phút ngày 28/7/2021, N gọi điện bảo S đến nhà lấy hồ sơ chuyển nhượng của Đào Duy A. Khoảng 20 giờ cùng ngày, S đến nhà N, N đưa hồ sơ và 5.000.000 đồng loại tiền cùng mệnh giá 50.000 đồng bảo S đưa trước cho P, số tiền còn lại khi nào làm xong thủ tục thì đưa nốt cho P. S gọi điện thoại thỏa thuận nội dung này với P, P đồng ý (*cuộc gọi điện trao đổi được S ghi âm bằng điện thoại di động*). N đưa cho S 01 chiếc bút màu đen có chức năng ghi âm, ghi hình và bảo S quay Video lại sự việc đưa hồ sơ và tiền cho P, mục đích của N để chứng minh cho gia đình Đào Duy A biết việc nhờ làm thủ tục nhanh hồ sơ chuyển nhượng đất.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 29/7/2021, Cao Trường S gắn chiếc bút ghi âm, ghi hình tại túi áo sơ mi trước ngực đang mặc rồi cầm hồ sơ và 5.000.000 đồng đi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn. Sau đó S đi lên phòng làm việc của P (*S bật sẵn điện thoại di động và chiếc bút để ở chế độ ghi âm*). S đặt bộ hồ sơ lên bàn làm việc của P và lấy 5.000.000 đồng trong túi quần bên phải phía trước của S rồi đặt lên trên bộ hồ sơ. Thấy S đưa tiền, P hỏi bao nhiêu tiền, S trả lời đưa trước 5.000.000 đồng còn 5.000.000 đồng khi nào xong thì thanh toán nốt. P để tiền xuống bàn rồi kiểm tra hồ sơ thấy thừa một số đơn nên bảo S khắc phục. Khi S đi ra khỏi phòng làm việc của P xuống tầng một. Do nghi ngờ S ghi âm, ghi hình mình nên P cầm theo túi hồ sơ S vừa đưa bên trong có 5.000.000 đồng đi theo đưa lại cho S và bảo S cầm hồ sơ ra bộ phận một cửa của UBND huyện Mai Sơn đưa cho Lò Văn L1 để tiếp nhận. Khi S cầm túi hồ sơ ra xe ô tô để đi đến bộ phận một cửa tìm gặp L1 thì P nói với Vũ Đức M1 là Viên chức của Chi nhánh nói về việc P nghi ngờ S ghi âm, ghi hình cuộc nói chuyện trao đổi giữa P với S tại phòng làm việc. M1 bảo P gọi điện thoại yêu cầu S quay lại phòng của P. Khi S quay lại, P hỏi S về chiếc bút S vừa dùng để ghi âm ghi hình, S nói để dưới ô tô, P bảo M1 đi cùng S ra xe ô tô lấy chiếc bút. Trong lúc vào xe ô tô, S tháo thẻ nhớ của chiếc bút lắp vào điện thoại di động rồi gửi một File ghi âm, ghi hình quá trình S tiếp xúc, trao đổi với P vào ZALO tên “Gà” của Nguyễn Thị Thùy N rồi cầm chiếc bút đi lên phòng làm việc của P. S thừa nhận ghi âm, ghi hình, đưa tiền cho P giúp làm nhanh thủ tục hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo yêu cầu của N.

P yêu cầu S phải xóa hết toàn bộ nội dung ghi âm, ghi hình cuộc nói chuyện

trao đổi lưu trong chiếc bút và điện thoại của S liên quan đến việc S ghi âm, ghi hình tại Văn phòng chi nhánh đất đai, S đã tự xóa các đoạn ghi âm ghi hình trước đó (*tuy nhiên trước khi xóa, S đã kịp gửi cho N 5 file ghi hình và 04 File ghi âm, trong đó có File ghi âm cuộc gọi của S cho P vào tối ngày 28/7/2021 và File ghi âm cuộc gọi nói chuyện của S với P vào sáng ngày 29/7/2021*). Khi S đang ở phòng làm việc của P thì Ngô Văn B, trú tại tiểu khu K, thị trấn HL, huyện Mai Sơn gọi điện nhờ S đi nộp thuế đất nên S đến Chi cục thuế huyện Mai Sơn để nộp tiền thuế cho Bích nhưng do không đem theo tiền nên S đã lấy 2.850.000 đồng trong tập tiền 5.000.000 đồng do P trả lại để sử dụng nộp thuế đất cho Bích nên khi P yêu cầu S quay lại phòng làm việc của P để nộp lại số tiền trước đó S đưa cho P chỉ còn 2.150.000 đồng. P gọi nhân viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn lập biên bản sự việc trên đồng thời niêm phong số tiền trên cùng với chiếc bút, hồ sơ đất và chiếc điện thoại của S và yêu cầu S ký vào biên bản. Sau đó, P làm đơn tố giác Cao Trường S về hành vi đưa hối lộ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 25/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn thi hành bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Văn P về tội Nhận hối lộ và Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S về tội Đưa hối lộ.

Về vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đã thu giữ gồm:

- 01 chiếc bút ghi âm, ghi hình màu đen, dài khoảng 18cm, trên thân bút có chữ Plug2Cam, có 01 mắt Camera ở phần cuối thân bút có một nút bấm màu bạc phía trên cùng; 2.150.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO; 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu H1; 01 chiếc thẻ nhớ màu đen, Micro SD, mặt sau có dãy chữ số “LCZ1712M”; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J3 pro, kèm 01 sim điện thoại di động do Phạm Văn P giao nộp.

- Thu giữ số tiền 7.000.000 đồng của Lò Văn L1.

- 01 chiếc dây cáp sạc màu đen có chiều dài 78cm; 01 chiếc thẻ nhớ màu đen, Micro SD, mặt sau có dãy chữ số “S5D2B5 MM”; 01 điện thoại di động hiệu VIVO, kèm 02 sim điện thoại di động do Cao Trường S giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu BlackBerry BBF100-6, kèm 02 sim điện thoại di động do Nguyễn Thị Thùy N giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 6943/C09-P6 ngày 25/11/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

“Đã khôi phục được dữ liệu trong 01 chiếc thẻ nhớ có chữ “LCZ1712M” có 05 file video; 01 chiếc thẻ nhớ có chữ “S5D2B5 MM” có 177 file ảnh và 40 file video; 01 điện thoại Oppo Reno2F có 27 file âm thanh, 1970 file ảnh và 19 file video. Trong đó chiếc điện thoại Oppo Reno2F của Cao Trường S đã khôi phục được 06 File âm thanh ghi âm cuộc nói chuyện của S với Lò Văn L1 và Phạm Văn P liên quan đến thủ tục làm hồ sơ đất đai và cuộc trao đổi điện thoại của S với P vào ngày 28/7/2021; cuộc nói chuyện S với P sáng ngày 29/7/2021. Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các File dữ liệu tìm thấy. Đối với chiếc bút không tìm thấy dữ liệu do S đã tháo thẻ nhớ của chiếc bút”

Tại Kết luận giám định số 405/KL-KTHS ngày 10/4/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

“Tiếng nói của Lò Văn L1, Cao Trường S, Phạm Văn P trong 04 file ghi âm mẫu gửi giám định với tiếng nói của Lò Văn L1, Cao Trường S, Phạm Văn P trong mẫu so sánh là của cùng một người; đã chuyển nội dung hội thoại trong các file mẫu cần giám định thành văn bản”

Bản kết luận giám định số 1749 ngày 08/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận số tiền 2.150.000 đồng do Phạm Văn P giao nộp là tiền thật.

Cáo trạng số: 89/CT-VKSMS ngày 18/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn - Quyết định: Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để xét xử: Bị can Phạm Văn P về tội Nhận hối lộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự; các bị can Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S về tội Đưa hối lộ quy định tại điểm a, khoản 1 điều 364 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số: 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội Nhận hối lộ.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ 30 ngày tạm giữ, tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Phạm Văn P trong các cơ quan có chức năng thực hiện đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính, thống kê,

kiểm kê đất đai và cung cấp thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật với thời hạn 01 năm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S phạm tội Đưa hối lộ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy N 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 30 ngày.

Xử phạt bị cáo Cao Trường S 10 (mười) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 30 ngày.

Về phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo N, S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 9 năm 2022, các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S, Phạm Văn P đều xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Các bị cáo đã nộp bổ sung các tài liệu, Biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn về việc: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy N đã tự nguyện nộp 2.850.000 đồng tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước và 200.000 đồng tiền án phí HSST; Bị cáo Cao Trường S và bị cáo Phạm Văn P tự nguyện nộp 200.000 đồng án phí HSST theo Quyết định của Bản án số: 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ghi nhận bị cáo N đã tự nguyện nộp 2.850.000 đồng tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước; các bị cáo N, P, S đã nộp tiền án phí HSST, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung này. Về mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên với các bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện cho hưởng án treo đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La: Giữ N mức hình phạt tù đối với các bị cáo nhưng cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

+ Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

- Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, do đó kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S đã khai nhận về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội của mình thống nhất, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập, có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì lợi ích cá nhân (do Đào Duy A nhờ N), bị cáo Nguyễn Thị Thùy N đã trao đổi, thống nhất để Cao Trường S đến gặp Phạm Văn P - Quyền Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn thống nhất thỏa thuận S đưa cho P 10.000.000 đồng nhưng đưa trước 5.000.000 đồng để P làm nhanh thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Đào Duy A và Nguyễn Văn Q, sau khi

hoàn thành xong hồ sơ chuyển nhượng S trả tiếp 5.000.000 đồng.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao bị cáo Phạm Văn P đã hứa hẹn, nhận giúp Cao Trường S giải quyết nhanh thủ tục hành chính sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đào Duy A để nhận lợi ích vật chất số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 29/7/2021, bị cáo P đã nhận của bị cáo S 5.000.000 đồng để làm nhanh thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Đào Duy A và Nguyễn Văn Q theo yêu cầu của S, chấp nhận đề nghị của S là sau khi làm xong thủ tục hồ sơ chuyển nhượng nhận tiếp số tiền còn lại là 5.000.000 đồng. Ngay sau khi nhận hồ sơ và 5.000.000 đồng S đưa, P đã gọi và trả lại cho S bộ hồ sơ và tiền, yêu cầu S nộp hồ sơ theo quy định và tố cáo hành vi "Đưa hối lộ" của S đến Công an huyện Mai Sơn.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S đủ yếu tố cấu thành tội "Đưa hối lộ"; Hành vi của bị cáo Phạm Văn P cấu thành tội "Nhận hối lộ". Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S về tội "Đưa hối lộ" theo khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn P phạm tội "Nhận hối lộ" theo khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S:

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S phạm tội "Đưa hối lộ"

với tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Bị cáo Phạm Văn P phạm tội "Nhận hối lộ" với tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Bản án số:131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã áp dụng:

- Khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy N 12 (mười hai) tháng tù; Xử phạt bị cáo Cao Trường S 10 (mười) tháng tù;

- Điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Quyết định về hình phạt của Bản án Sơ thẩm đối với mỗi bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; Mức hình phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, đúng với tính chất hành vi phạm tội và vai trò của mỗi bị cáo; Tòa sơ thẩm cũng

đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo khi lượng hình. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo N, S và P không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

* *Đối với bị cáo Phạm Văn P*: Xuất phát từ mối quan hệ đồng nghiệp nhờ giúp đỡ, bị cáo đã nhận của bị cáo S 5.000.000 đồng, để giải quyết nhanh thủ tục hành chính sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đào Duy A; sẽ nhận tiếp 5.000.000 đồng sau khi làm xong thủ tục hồ sơ chuyển nhượng. Ngay sau khi nhận hồ sơ và 5.000.000 đồng S đưa, P đã gọi và trả lại cho S bộ hồ sơ và tiền, yêu cầu S nộp theo quy định và tố cáo hành vi của S đến cơ quan chức năng. Mặc dù, việc P trả tiền và không tiếp tục thực hiện việc làm theo yêu cầu của S không thuộc trường hợp "*Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*" quy định tại Điều 16 Bộ luật Hình sự để xem xét được miễn trách nhiệm hình sự. Nhưng, việc làm trên của bị cáo đã giúp cơ quan Tố tụng phát hiện, giải quyết vụ án thuộc trường hợp "*Hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm*"; "*Bị cáo chủ động khai báo trước khi bị phát giác, chủ động nộp lại tài sản nhận hối lộ*" theo quy định tại khoản 8 Điều 2 và được áp dụng N tắc xử lý: "*Xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt*" theo quy định tại khoản 2 và Điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của HĐTP TANDTC ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; tích cực phối hợp với cơ quan điều tra để giải quyết vụ án; quá trình công tác bị cáo luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2019 được Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La tặng Bằng khen và được Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020-2021 là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* *Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S*:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là: Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N có ông, bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo được tặng giấy khen trong quá trình công tác; bị cáo

S có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo N đã tự nguyện nộp 2.850.000 đồng tiền "Đưa hối lộ" bị truy thu sung công quỹ Nhà nước và 200.000 đồng tiền án phí HSST; Bị cáo Cao Trường S và bị cáo Phạm Văn P tự nguyện nộp 200.000 đồng án phí HSST theo Quyết định của Bản án số: 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cần ghi nhận việc tự nguyện thi hành của các bị cáo về nộp tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm; ghi nhận các bị cáo ăn năn hối cải và tự nguyện khắc phục, sửa chữa sai phạm là tình giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự thêm đối với bị cáo N.

Xét thấy, các bị cáo có mối quan hệ là người quen, đồng nghiệp vì lợi ích cá nhân nhờ giúp đỡ đã thực hiện hành vi phạm tội, tiền đưa - nhận hối lộ không lớn. Mặt khác về nhân thân các bị cáo P, N và S không có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật và nghĩa vụ của công dân nơi cư trú.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Xét việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội; Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc cho các bị cáo hưởng án treo là có căn cứ. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, việc chuyển biện pháp chấp hành hình phạt tù cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S sửa bản án sơ thẩm: Giữ N mức hình phạt tù và cho các bị cáo hưởng án treo.

[4] Án phí: Các bị cáo P, N, S không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

1.1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội Nhận hối lộ.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05 tháng 01 năm 2023).

- Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Phạm Văn P trong các cơ quan có chức năng thực hiện đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai và cung cấp thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật với thời hạn 01 năm.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S phạm tội Đưa hối lộ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy N 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05 tháng 01 năm 2023).

- Xử phạt bị cáo Cao Trường S 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05 tháng 01 năm 2023).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S.

1.3. Giao các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn; Địa chỉ: Tiểu khu K, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Giao các bị cáo Cao Trường S cho Ủy ban nhân dân xã CS, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy N đã nộp 2.850.000 đồng (*Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền truy thu sung ngân sách Nhà nước theo Biên lai thu tiền số: 0001122 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

- Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*). Các bị cáo P, N, S mỗi bị cáo đã nộp đủ 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0001121 ngày 09/12/2022 và Biên lai số 0001126 ngày 23/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Án phí Hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 05 tháng 01 năm 2023).

Nơi nhận:

- TAND huyện Mai Sơn;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Công an huyện Mai Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã CS, huyện Mai Sơn;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

huyện Mai Sơn;

- Bị cáo;

- Phòng KTNV; Lưu HS-AV.

Quản Hữu Chiến

